



Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng

Các Báo cáo Tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán

cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số tham chiếu: 13554108/60758145

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

các báo cáo tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và
cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (sau đây gọi tắt là "Công ty") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 2 đến trang 26 (sau đây gọi tắt là "các báo cáo tài chính"). Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính của Công ty, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam.



Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Ernst & Young Vietnam Ltd

Nguyễn Phương Nga

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0763/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>2008 triệu đồng</i> |
|--|------------------------|----------------------------|
| TÀI SẢN | | |
| Tiền mặt bằng VND | | 292 |
| Tiền gửi thanh toán tại NHNN | | 15 |
| Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác | 3 | 679.089 |
| Tiền gửi tại TCTD khác | | 669.089 |
| Cho vay các TCTD khác | | 10.000 |
| Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác | | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 4 | 6.204 |
| Chứng khoán kinh doanh | | 7.604 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (1.400) |
| Cho vay khách hàng | | 615.119 |
| Cho vay khách hàng | 5 | 617.021 |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*) | 6 | (1.902) |
| Tài sản cố định hữu hình | 7 | 3.474 |
| Nguyên giá tài sản cố định | | 3.801 |
| Hao mòn tài sản cố định | | (327) |
| Tài sản cố khác | 8 | 18.903 |
| Lãi/phí dự thu | | 9.102 |
| Tài sản cố khác | | 9.801 |
| TỔNG TÀI SẢN | | 1.323.096 |

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 29 là một phần của các báo cáo tài chính này

Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

| | <u>Thuyết minh</u> | <u>2008 triệu đồng</u> |
|---|------------------------|----------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | | |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | | 825.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VNĐ | | 595.000 |
| Vay các TCTD khác bằng VNĐ | | 230.000 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | 9 | 161.152 |
| Các khoản nợ khác | | 31.462 |
| Các khoản lãi, phí phải trả | | 14.349 |
| Thuế phải nộp | 10 | 6.449 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 11 | 10.664 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 1.017.614 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | |
| Vốn và các quỹ | 12 | 305.482 |
| <i>Vốn của TCTD</i> | | <i>300.000</i> |
| Vốn điều lệ | | 300.000 |
| <i>Quỹ của TCTD</i> | | <i>5.171</i> |
| <i>Lợi nhuận chưa phân phối</i> | | <i>311</i> |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.323.096 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <u>Thuyết minh</u> | <u>2008 triệu đồng</u> |
|--|------------------------|----------------------------|
| Nghiệp vụ ủy thác và đại lý | | |
| Cho vay, đầu tư theo hợp đồng nhận ủy thác | | 50.000 |

Người lập:



Bà Nguyễn Tuyết Nhung
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Trưởng phòng Kế toán

Người phê duyệt



Ông Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 29 là một phần của các báo cáo tài chính này

Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

| | <i>Thuyết minh</i> | <i>2008 triệu đồng</i> |
|---|------------------------|----------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 15 | 56.803 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 16 | (25.759) |
| THU NHẬP LÃI THUẦN | | 31.044 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 233 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | | (312) |
| Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ | 17 | (79) |
| Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 18 | (1.560) |
| Thu nhập từ hoạt động khác | | 5.323 |
| Chi phí hoạt động khác | | - |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 19 | 5.323 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 20 | 162 |
| TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG | | 34.890 |
| CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | |
| Chi phí tiền lương | | (3.284) |
| Chi phí khấu hao và khấu trừ | 7 | (327) |
| Chi phí hoạt động khác | 21 | (5.063) |
| | | (8.674) |
| TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 26.216 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 6 | (1.902) |
| TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | | 24.314 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 10.1 | (6.763) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | - |
| Chi phí thuế TNDN | | (6.763) |
| Lợi nhuận sau thuế | | 17.551 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu - đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) | 13 | 557 |

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 29 là một phần của các báo cáo tài chính này

Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

| | <u>Thuyết minh</u> | <u>2008 triệu đồng</u> |
|--------------------------------------|------------------------|----------------------------|
| LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM | | - |
| Lợi nhuận thuần trong năm | | <u>17.551</u> |
| LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI | | <u>17.551</u> |
| Trừ: | | |
| - Tạm trích các quỹ trong năm | 12 | (5.240) |
| - Tạm chia cổ tức trong năm | 12 | <u>(12.000)</u> |
| LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM | | <u>311</u> |

Người lập:



Bà Nguyễn Tuyết Nhung
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Trưởng phòng Kế toán

Người phê duyệt



Ông Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 29 là một phần của các báo cáo tài chính này

Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 6 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

| | <u>Thuyết minh</u> | <u>2008 triệu đồng</u> |
|--|------------------------|----------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | | 47.701 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | | (11.410) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | 17 | (79) |
| Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán | 18 | (160) |
| Thu nhập khác | 19 | 5.323 |
| Chi phí hoạt động | 21 | (5.063) |
| Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ | | (3.842) |
| Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ | 10 | (180) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động | | 32.290 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | |
| (Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác | | (804.426) |
| (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán | 4 | (170.000) |
| (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng | 5 | (7.604) |
| (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động | 8 | (617.021) |
| Những thay đổi về công nợ hoạt động | | 988.533 |
| Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD | | 825.000 |
| Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | 9 | 161.152 |
| Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động | | 2.450 |
| Chi từ các quỹ của TCTD | 12 | (69) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 216.397 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | |
| Mua sắm tài sản cố định | 7 | (3.801) |
| Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 20 | 162 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (3.639) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Tăng vốn điều lệ | | 300.000 |
| Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | | (3.362) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 296.638 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 509.396 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ | | - |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ | | 509.396 |

Người lập:



Bà Nguyễn Tuyết Nhung
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Thu Hà
Trưởng phòng Kế toán

Người phê duyệt




Ông Bùi Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 02 năm 2009

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 29 là một phần của các báo cáo tài chính này